

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 496/2020/TLST–HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST –HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Tuyết L - Sinh năm 1979

- Bị đơn: Anh Từ Công H - Sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: tổ 3, ấp 11, xã XT, huyện CM, tỉnh ĐN.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Từ Công H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn năm 2002 tại UBND xã XT theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 – quyền số 01/2002. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, ham chơi bài bạc, dẫn đến nợ nần, chị L phải bán đất để trả nợ bài bạc cho anh H, bên cạnh đó anh H thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, say xỉn còn kiếm chuyện, hai vợ chồng cãi vã nhau nhiều lần, anh H còn đánh đập chị L. Anh chị đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm dành cho anh H không còn nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 người con là các cháu Từ Thị Yến N, sinh năm 2000, cháu Từ Minh H1, sinh ngày 20/8/2012 và cháu Từ Thanh N1, sinh ngày 23/12/2003. Cháu N đã trưởng thành nên chị L không đặt ra yêu cầu giải quyết. Sau

khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu H1 và N1 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

* Anh Từ Công H vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị L ly hôn anh H; giao 02 cháu Thanh N1 và Minh H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Thị Tuyết L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con với anh Từ Công H. Hiện anh H đăng ký hộ khẩu tại xã XT, huyện CM, tỉnh ĐN. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị L có đơn yêu cầu ly hôn anh H nên chị L là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 05/02/2021 và lần thứ hai vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/02/2021 nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của chị L, cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H không chăm lo làm ăn, ham chơi bài bạc dẫn đến nợ nần phải bán đất để trả nợ bài bạc, bên cạnh đó anh còn ham rượu chè dẫn đến cãi vã và đánh đập vợ con. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H. Qua biên bản ghi nhận sự việc ngày 24/12/2020 thể hiện việc Tòa án đã xuống nhà để làm việc với anh H nhưng anh từ chối không hợp tác. Điều này chứng tỏ anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị L, không tôn trọng hạnh phúc gia đình cũng như không tuân thủ quy định của pháp luật. Như vậy có thể thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị L không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Từ Minh H1, sinh ngày 20/8/2012 và cháu Từ Thanh N1, sinh ngày 23/12/2003 mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H vắng mặt nên không có lời khai về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị L nhận thấy, các cháu Minh H1 và Thanh N1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần thiết giao hai cháu N1 và H1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh Hiệu không cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: chị L khai không có và cũng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 91, 92, 93, 94 của Luật HNGĐ năm 2000 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết L.

1. Cho chị Đinh Thị Tuyết L được ly hôn anh Từ Công H.

2. Về con chung: giao cháu Từ Minh H1, sinh ngày 20/8/2012 và cháu Từ Thanh N1, sinh ngày 23/12/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị L, anh H vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: chị L khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị L nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai số 0009027 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh DN. Chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. CM;
- THADS H. CM;
- UBND xã XT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Trung